TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 510/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 8 - 2024
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Luỹ

2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Tiến Dũng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị R, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Nơi thường trú: tổ A, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Nơi thường trú: tổ B, khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24/4/2024 bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị R trình bày:

Hôn nhân của chị và anh T sau khi tìm hiểu và được cha mẹ hai bên đồng ý nên tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 22/2016, ngày 24/02/2016. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn, không phù hợp nhau, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay không gàn gắn được, tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 03/12/2015 hiện do anh T đang chăm sóc nuôi dưỡng. Chị R đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: không có

Ngoài ra không có ý kiến nào khác.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không có lời trình bày.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Hôn nhân của chị R và anh T được xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, từ khi ly thân đến nay không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nay chị R yêu cầu ly hôn anh T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 03/12/2015 hiện anh T đang nuôi dưỡng. Chị R đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị R khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T nên xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hônvà nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn có nơi cư trú tại khóm M, thị trấn P, huyện P, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Chị R có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị R yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Xét chứng cứ có trong hồ sơ cùng kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập năm 2020 trên cơ sở tự tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay, không hàn gắn được tình

cảm vợ chồng trong thời gian ly thân mà anh chị mỗi người sinh sống mỗi nơi, không ai quan tâm ai, từ đó tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, chị R yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 03/12/2015, chị R đồng ý giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Xét, từ khi ly thân đến nay cháu M do anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và cháu cũng có nguyện vọng tiếp tục sống với cha; nên căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cần giao con chung cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được; chị R không phải cấp dưỡng cho con. Anh T phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị R đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh T không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì chị R có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày của đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị R và anh T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Chị R phải chịu án phí theo qui định pháp luật. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị R.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị R được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 03/12/2015 đến thành niên hoặc tự lập được; chị Nguyễn Thị R không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn T phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Nguyễn Thị R đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị R phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006938 ngày 16/5/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Anh T không phải chịu án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Bích Tuyền